

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HS-ST

Ngày: 01/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Như Phương

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vui

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2021/HSST ngày 07/01/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thị Bé T**; giới tính: Nữ; sinh ngày 04/03/1973, tại BT; hộ khẩu thường trú: Ấp PT, xã C, huyện M, tỉnh BT (trước đây là ấp BT, xã H, huyện M, tỉnh BT); chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; đảng phái: Không; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông PVT (chết) và bà LTH (chết); anh chị em có 05 người: lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất là bị cáo; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2020, tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2002, PTBT và TVN cùng hùn vốn mở quán cà phê (không đặt tên) trên đường TXS, Quận B. Do khu vực này có nhiều gái bán dâm hoạt động, trong đó có NTNQ và NTTh nên T và N thỏa thuận môi giới mại dâm cho Q và Th. Khi khách có nhu cầu mua dâm, T và N gọi Th, Q đến quán gặp khách để thỏa thuận việc mua bán dâm. T và N không lấy tiền của gái bán dâm, nhưng hưởng lợi từ việc tính tiền nước cao gấp 4- 5 lần giá bình thường. Nếu 01 phần nước bình thường gồm 02 ly cà phê, 01 cây kẹo cao su và 01 đĩa hạt dưa có giá khoảng 6.000 đến 7.000 đồng thì N và T bán cho người mua dâm với giá khoảng 25.000 đồng, hưởng lợi từ 18.000 đồng đến 19.000 đồng.

Khoảng 21 giờ ngày 21/6/2002, có ông Trần VP và ông Trần AT đến quán của T hỏi tìm gái bán dâm để mua dâm, T đồng ý và yêu cầu P và AT vào quán uống nước ngồi chờ. Sau đó, TVN đi gọi Q và Th đến gặp ông P và ông AT để thỏa thuận giá bán dâm. Sau khi thỏa thuận mua, bán dâm xong, ông P và ông AT cùng Q và Th đi tìm khách để thực hiện việc mua bán dâm. Trước khi đi, T thu tiền của ông P và ông AT, tổng cộng 45.000 đồng. Khi Th và Q đến nhà trọ “ĐN” (số 3 khu phố B, phường TK, Quận T) do NDL làm quản lý để bán dâm cho ông P và ông AT thì bị Công an Quận T bắt quả tang.

Tại Công an phường TK, Quận T, PTBT khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Sau khi bị Công an triệu tập làm việc thì PTBT bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 24/6/2002, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã đối với PTBT về tội “Môi giới mại dâm”, khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với NDL về tội “Chứa mại dâm”.

Ngày 11/7/2003, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử NDL 06 năm tù về tội “Chứa mại dâm”.

Đến ngày 08/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ được PTBT. Quá trình điều tra, PTBT khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 1224/HSST ngày 11/7/2003 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về áp dụng một số tình tiết có lợi cho bị cáo nên bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-P2 ngày 04/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo PTBT đã phạm vào tội “Môi giới mại dâm” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999)

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Quá trình xét hỏi công khai và thẩm tra các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án: Bị cáo PTBT thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố.

2. Trong phần tranh luận:

2.1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo PTBT thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo PTBT từ 03 năm đến 04 năm tù giam.

2.2. Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

3. Phần bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và trình bày của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Qua lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 21/6/2002, tại quán cà phê không tên trên đường TXS, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, PTBT có hành vi môi giới mại dâm cho NTNQ và NTT bán dâm cho ông Trần Văn P và ông Trần Anh AT tại khách sạn “Đức Ngân” tại số 32/2 khu phố 3, phường TK, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi thực hiện hành vi được nêu trên, bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, nếp sống văn minh, gây mất trật tự an ninh xã hội, là nguyên nhân dẫn đến việc lây lan các căn bệnh xã hội.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo PTBT đã phạm tội “Môi giới mại dâm”, thuộc trường hợp đối với hai người trở lên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng với tình tiết định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là trường hợp phạm tội đối với hai người trở lên. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bản thân chưa từng vi phạm pháp luật, trình độ văn hóa kém, nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa hưởng lợi từ hành vi phạm tội của mình. Từ những nhận định trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh, nhân thân, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hành vi của các đối tượng có liên quan trong vụ án.

Đối với TVN, do quá trình điều tra trước đây không làm rõ hành vi của N để khởi tố, truy nã. Đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên nay không có cơ sở xử lý là phù hợp.

Đối với NDL đã bị xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 1224/HSST ngày 11/7/2003 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo PTBT đã phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo PTBT 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2020.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo PTBT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS;
- Bị cáo;
- Trại giam;
- Phòng THA-HS;
- Phòng PC 53-CATP.HCM;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hình sự; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn